

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27 – 02 – 2026

V/v “Tranh chấp xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Cao Thị Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Thanh Tâm.

Bà Tạ Mỹ Hạnh.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Th Văn Gây là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5 - Cà Mau.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2025 về “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số: 22/2026/QĐ-ST ngày 06 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Ánh Nh, sinh ngày 27/02/1998. Số định danh cá nhân 096198004730 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, phường A, tỉnh C.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã Đ, tỉnh C.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 11 năm 2025 nguyên đơn bà Nguyễn Ánh Nh trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn Th tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2013, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình không hoà hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng trong quan điểm sống. Bà và ông Th đã sống ly thân khoảng 08 năm nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Th.

Về con chung: Bà và ông Th có 01 người con chung tên Nguyễn Ánh Ng, sinh ngày 31/10/2013. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ thu, nợ trả: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông Th vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Bà Nh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà vẫn bảo lưu quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Ánh Nh khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Văn Th, địa chỉ: Ấp R, xã Đ, tỉnh C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Bà Nguyễn Ánh Nh có đơn đề nghị xét xử vắng, ông Nguyễn Văn Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tuy nhiên ông Th vắng mặt không có lý do căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bà Nh, ông Th tại phiên tòa.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Ánh Nh và ông Nguyễn Văn Th tự nguyện chung sống vào năm 2013, tuy nhiên không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống, bà Nh xác định có xảy ra mâu thuẫn, không còn tình cảm nên hôn nhân không hạnh phúc, bà Nh và ông Th đã sống ly thân hơn 08 năm nay. Xét thấy, việc bà Nh và ông Th chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013 đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định nên không được pháp luật thừa nhận. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận bà Nguyễn Ánh Nh và ông Nguyễn Văn Th là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Nh và ông Th có 01 người con chung tên Nguyễn Ánh Ng, sinh ngày 31/10/2013. Sau khi ly hôn, bà Nh yêu cầu được nuôi con, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Ông Th đã được Toà án thông báo về yêu cầu giải quyết việc nuôi con của bà Nh tuy nhiên ông không có ý kiến phản hồi. Xét thấy, từ khi bà Nh và ông Th ly thân đến nay, cháu Ánh Ngọc do bà Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặt khác, tại Đơn nguyện vọng đề ngày 10/02/2026 cháu Ánh Ngọc có nguyện vọng được sống cùng bà Nh. Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống cũng như để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường về mọi mặt của cháu Nguyễn Ánh Ng nên cần giao cháu Nguyễn Ánh Ng cho bà Nh tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Ông Th không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc con theo luật định.

[4] Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Ánh Nh phải nộp 300.000 đồng. Bà Nh đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005034 ngày 21 tháng 11 năm 2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Cà Mau được chuyển thu.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Ánh Nh và ông Nguyễn Văn Th là vợ chồng.

Về con chung: Giao người con chung tên Nguyễn ÁNh Ng, sinh ngày 31/10/2013 cho bà Nguyễn Ánh Nh tiếp tục nuôi dưỡng. Phần cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu xem xét.

Ông Th không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của bà Nh.

Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Ánh Nh phải nộp 300.000 đồng. Bà Nh đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005034 ngày 21 tháng 11 năm 2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 5 - Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 5 - Cà Mau;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Đất Mũi;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Dung